

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17/02/2025

V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp và ông Hoài Đức Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 382/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Nơi ở hiện nay: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nhà trọ Đặng Xuân D).

- Bị đơn: Anh **Lê Quang N**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Nơi ở hiện nay: khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2024 và tại hồ sơ vụ án chị **Lê Thị T** trình bày:

Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bỏ sung, thay đổi, không rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Quang N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có làm đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào năm 2017 theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 24/7/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên do cả hai bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên cuộc sống hôn nhân thường xuyên cãi vã, không khí gia đình căng thẳng, mệt mỏi. Chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm và giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả do vợ chồng không còn tôn trọng nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, chị đã chuyển ra ngoài sống. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quang N.

Về con chung: Chị T khai chị và anh N có 01 (một) con chung là Lê Tấn P, sinh ngày 17/12/2017. Sau ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Do công việc khó xin nghỉ nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án.

Bị đơn anh Lê Quang N được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do nên không có lời khai tại hồ sơ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhon Trach phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp đúng quy định pháp luật, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự, và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xử cho chị được ly hôn với anh Lê Quang N. Về con chung: giao (01) một con chung là Lê Tấn P, sinh ngày 17/12/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: chị T khai không có, anh N không cung cấp tài liệu chứng cứ nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Những kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh Lê Quang N đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

Chị Lê Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lê Quang N. Anh N hiện cư trú tại khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Lê Thị T, bị đơn là anh Lê Quang N.

[3]. Về nội dung:

- Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Lê Quang N là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên do cả hai bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên cuộc sống hôn nhân thường xuyên cãi vã, không khí gia đình căng thẳng, mệt mỏi. Chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm và giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả do vợ chồng không còn tôn trọng nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, chị đã chuyển ra ngoài sống. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tòa án đã mời các đương sự đến để hòa giải đoàn tụ tuy nhiên phía anh N nhiều lần không có mặt. Anh N trong quá trình hoà giải đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không hợp tác để cung cấp lời khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến. Theo quy định tại Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Một con chung Lê Tấn P, sinh ngày 17/12/2017. Hiện do chị Lê Thị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, việc yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh N vắng mặt không có ý kiến phản hồi về con chung nên Hội đồng xét xử thấy nên giữ nguyên tình trạng ban đầu, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh N được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Theo chị T khai không có nợ chung, qua xác minh tại địa phương không có người nào có yêu cầu chị T và anh N phải thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T đối với bị đơn anh Lê Quang N về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Xử: cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Quang N.

Giao con chung là Lê Tấn P, sinh ngày 17/12/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018347 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. (Chị T đã nộp xong).

2. Chị Lê Thị T và anh Lê Quang N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Tòa án tỉnh Đồng Nai; Thi hành án;
- UBND Đông Thạnh,
huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Oanh